

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/DS-ST
Ngày: 19-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 359/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần H (gọi tắt là: Ngân hàng H).

Địa chỉ trụ sở: 54A, N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1977. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Lưu Công P, sinh năm 1966 (vắng mặt).

+ Anh Võ Minh T, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tầng 23, Tòa nhà TNR, 180-192, N2, phường N3, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo văn bản ủy quyền số 7383/2022/GUQ-TGDD12 ngày 30/9/2022.

- Bị đơn: Anh Phan Đức D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng nơi đăng ký thường trú: Tổ 8, Ấp 5, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Cùng địa chỉ: Tổ 12, Ấp 1, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2022, ngày 28/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H do anh Võ Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/3/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần H – Chi nhánh Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Thủ Đức và anh Phan Đức D đã ký kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 với số tiền hạn mức thẻ là 200.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 36 tháng. Căn cứ vào Đơn đăng ký phát hành thẻ, Hợp đồng phát hành thẻ và Biểu lãi suất, phí tín dụng áp dụng cho thẻ tín dụng thì lãi suất cho vay áp dụng trong suốt quá trình vay vốn là 36%/năm, Phương thức trả nợ: trả gốc và trả lãi hàng tháng khi có phát sinh dư nợ, lãi suất quá hạn 145% lãi suất trong hạn. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đơn đốc thu hồi nợ: Ngày 26/3/2021, Ngân hàng đã phát hành cho anh Phan Đức D theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 với số tiền 200.000.000 đồng. Trong quá trình vay, anh D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 37.450.993 đồng (trong đó: thanh toán phí 2.985.655 đồng; nợ gốc: 34.465.338 đồng). Từ ngày 26/5/2021, anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo đúng cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết, dư nợ tạm tính đến ngày 19/6/2023 là 392.467.642 đồng, trong đó nợ gốc: 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng, nợ phí: 0 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng của anh D đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần H yêu cầu anh Phan Đức D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi vay theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021, dư nợ tạm tính đến ngày 19/6/2023 là 392.467.642 đồng (Ba trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng) trong đó nợ gốc: 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng, nợ phí: 0 đồng. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, kể từ ngày 20/6/2023, anh D phải chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận quy định tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ. Anh D có ý kiến thanh toán mỗi tháng 2.000.000 đồng thì Ngân hàng không đồng ý.

2. Theo bản tự khai ngày 28/4/2023, bị đơn anh Phan Đức D trình bày:

Vào tháng 4/2021, anh có vay mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần H hạn mức 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Trong quá trình sử dụng anh có thanh toán cho ngân hàng 37.450.993 đồng. Do tình hình dịch khó khăn nên anh chậm thanh toán. Hiện nay, anh còn nợ tính đến ngày 27/4/2023 là 327.771.841 đồng trong đó 180.034.662 đồng gốc. Hiện anh đang làm tài xế dịch vụ có thể trả dần hàng tháng cho ngân hàng 2.000.000 đồng.

Vào thời điểm vay thì vợ anh không biết khoản vay của ngân hàng nào hết, đến sau này mới nói với vợ mục đích vay dùng để làm trại nuôi dúi.

Nay ngân hàng TMCP H Việt Nam khởi kiện yêu cầu trả nợ thì anh đồng ý thanh toán khoản nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 27/4/2023 là 327.771.841 đồng, anh xin được trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng.

Ngày 28/4/2023, anh D có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, đối chất, hòa giải, xét xử và vắng mặt từ đó cho đến nay.

3. Theo bản tự khai ngày 09/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ Trần Thị H trình bày:

Chị là vợ của anh Phan Đức D. Đối với các khoản vay của anh D và Ngân hàng Thương mại cổ phần H thì chị không biết, khi anh D vay không nói với chị, và chị xác định không sử dụng vào mục đích chung của gia đình.

Nay chị xác định khoản vay này không liên quan đến chị nên anh D có trách nhiệm tự thanh toán với ngân hàng về khoản vay này.

Do khoản vay là khoản vay của riêng anh D nên chị đề nghị Tòa án không đưa chị tham gia tố tụng.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được đảm bảo quyền và lợi ích, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần H và anh Phan Đức D có ký hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 với số tiền hạn mức thẻ là 200.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất cho vay áp dụng trong suốt quá trình vay là 36%/năm; Trả gốc và trả lãi hàng tháng khi có phát sinh dư nợ, lãi suất quá hạn 145% lãi suất trong hạn. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình vay, anh D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 37.450.993 đồng (trong đó: thanh toán phí 2.985.655 đồng; nợ gốc: 34.465.338 đồng). Từ ngày 26/5/2021, anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết, dư nợ tạm tính đến ngày 19/6/2023 là 392.467.642 đồng trong đó nợ gốc: 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng, nợ phí: 0 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, kế hoạch trả nợ với Ngân hàng của anh D đã vi phạm các điều khoản cam kết trong hợp đồng tín dụng gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó việc Ngân hàng yêu cầu anh D phải trả khoản nợ nêu trên là có căn cứ. Anh D có ý kiến thanh toán cho Ngân hàng mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không được sự đồng ý của Ngân hàng nên không xem xét.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Hợp đồng phát hành

và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H buộc bị đơn anh Phan Đức D phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền nợ tạm tính đến ngày 19/6/2023 là 392.467.642 đồng trong đó nợ gốc: 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng.

Về án phí: Bị đơn anh Phan Đức D phải chịu án phí theo quy định.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H là ông Lưu Công P vắng mặt nhưng theo giấy ủy quyền số 7383/2022/GUQ-TGD12 ngày 30/9/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần H thì ông Lưu Công P hoặc anh Võ Minh T được toàn quyền thay mặt Ngân hàng tham gia tố tụng, nếu một trong hai người vắng mặt thì người còn lại có đầy đủ quyền, nghĩa vụ đại diện cho Ngân hàng theo giấy ủy quyền; Bị đơn anh Phan Đức D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông P, anh D và chị H.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng H trình bày Ngân hàng và anh Phan Đức D có ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh D đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 37.450.993 đồng (trong đó: thanh toán phí 2.985.655 đồng; nợ gốc: 34.465.338 đồng). Từ ngày 26/5/2021, anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và lãi theo cam kết, thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết, dư nợ tạm tính đến ngày 19/6/2023 là 392.467.642 đồng trong đó nợ gốc: 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng.

Bị đơn anh Phan Đức D thừa nhận có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng H với hạn mức 200.000.000 đồng. Vào thời điểm mở thẻ thì vợ anh là chị Trần Thị H không biết khoản vay của ngân hàng nào hết, đến sau này mới nói với vợ anh mục đích vay dùng để làm trại nuôi dúi. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, anh có thanh toán cho ngân hàng 37.450.993 đồng, còn nợ Ngân hàng tính tới ngày 27/4/2023 là 327.771.841 đồng trong đó 180.034.662 đồng gốc. Anh đồng ý thanh toán khoản nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 27/4/2023 là 327.771.841 đồng, xin được trả dần hàng tháng là 2.000.000 đồng.

Do đó, có căn cứ xác định giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần H và anh Phan Đức D có giao kết Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 với hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng.

Về nội dung và hình thức của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 được ký kết giữa Ngân hàng H và anh Phan Đức D là phù hợp với quy

định tại Điều 91 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Đối với tiền gốc: Từ khi mở thẻ đến ngày 25/5/2021, anh Phan Đức D đã sử dụng thẻ và nợ Ngân hàng H số tiền gốc 199.000.000 đồng, đến ngày 26/5/2021 là đã vi phạm thời hạn thanh toán cho Ngân hàng H. Sau khi Ngân hàng khởi kiện, anh D có thanh toán cho Ngân hàng 9.678.962 đồng ngày 08/02/2023 trừ vào khoản nợ gốc. Kể từ đó cho đến nay, anh D đã không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 19/6/2023, anh D đã trả cho Ngân hàng H số tiền 37.450.993 đồng (trong đó: 2.985.655 đồng tiền phí; nợ gốc: 34.465.338 đồng). Như vậy, anh D còn nợ Ngân hàng H số tiền gốc là 180.034.663 đồng (theo Báo cáo phân loại thẻ tín dụng ngày 19/6/2023).

[4] Đối với lãi và lãi suất: Lãi và lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 giữa Ngân hàng H và anh Phan Đức D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Kể từ ngày 08/02/2023 cho đến nay, anh D đã không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng H.

Do đó, anh D còn nợ Ngân hàng H số tiền lãi gồm lãi trong hạn từ ngày 19/4/2021 đến ngày 25/5/2021 là 6.918.497 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 26/5/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/6/2023 là 205.514.482 đồng (theo Báo cáo phân loại thẻ tín dụng ngày 19/6/2023).

[5] Như vậy, anh Phan Đức D còn nợ Ngân hàng H số tiền gốc 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng, tổng cộng 392.467.642 đồng.

Do đó, Ngân hàng H yêu cầu anh Phan Đức D trả cho Ngân hàng H tổng số nợ tính đến ngày 19/6/2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là 392.467.642 đồng, trong đó tiền gốc 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2023: Căn cứ Điều 12 và Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng H yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2023 đến ngày trả hết nợ là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến trình bày của anh D về việc trả khoản nợ cho Ngân hàng H mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng Ngân hàng không đồng ý cho anh D trả dần nên không có căn cứ xem xét.

[8] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H cho rằng khoản vay giữa anh D và Ngân hàng H thì chị không biết, khi anh D vay không nói với chị, và chị xác định không sử dụng vào mục đích chung của gia đình, anh D có trách nhiệm tự thanh toán với Ngân hàng H về khoản vay này. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải

quyết vụ án, Ngân hàng H chỉ yêu cầu anh D không yêu cầu chị H trả nợ và anh D cũng không yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm trả nợ với anh nên không xem xét.

[9] Về án phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H được chấp nhận nên anh Phan Đức D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $392.467.642 \text{ đồng} \times 5\% = 19.623.382 \text{ đồng}$.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 7.240.000 đồng cho Ngân hàng H theo biên lai thu số 0006561 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 91, 95 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H đối với bị đơn anh Phan Đức D về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc anh Phan Đức D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H số tiền là 392.467.642 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm bốn mươi hai đồng), trong đó tiền gốc 180.034.663 đồng, lãi trong hạn: 6.918.497 đồng, nợ lãi quá hạn: 205.514.482 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Phan Đức D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 202 ngày 26/3/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần H và anh Phan Đức D.

2. Về án phí Tòa án:

Anh Phan Đức D phải chịu 19.623.382 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả 7.240.000 đồng tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần H theo biên lai thu số 0006561 ngày 24/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai..

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Phan Đức D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Minh Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh

Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

Đào Minh Hoàng

